



Số: 3044 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông**  
**thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020 – 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 15/11/2019 của Hội đồng thẩm định Chương trình khuyến nông giai đoạn 2020-2024 về kết quả thẩm định Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2024;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 18/11/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khuyến nông trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020 - 2024 (kèm theo thuyết minh Chương trình chi tiết, các phụ lục).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, cùng Sở Tài chính căn cứ Chương trình được duyệt tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Hội: ND, LHPNTP;
- Các Sở: TC, KH-CN, TTTT;
- UBND các quận, huyện;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- CPVP;
- CV: NN, TC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyền



**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3044/QĐ-UBND ngày 06 / 12/2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**PHẦN I**

**TÍNH CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**1. SỰ CẦN THIẾT**

Hoạt động khuyến nông trong những năm qua đã tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, tạo sản phẩm có quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị và hiệu quả kinh tế.

Hoạt động khuyến nông thường xuyên bám sát địa bàn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khuyến khích nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Chuyển giao có hiệu quả các kết quả nghiên cứu, các tiến bộ kỹ thuật, phương pháp sản xuất mới áp dụng vào sản xuất; xây dựng được một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung có hiệu quả cao; bước đầu đã hình thành những nông dân tiêu biểu trong tiếp nhận, triển khai các tiến bộ kỹ thuật, là những tấm gương điển hình cho những nông dân khác học tập và làm theo...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác khuyến nông còn một số hạn chế, tồn tại: Các chương trình, mô hình khuyến nông còn dàn trải, nhỏ lẻ. Việc nhân rộng kết quả mô hình điểm thành công ra sản xuất đại trà chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các nhóm đối tượng nông dân. Hoạt động khuyến nông mới tập trung vào xây dựng mô hình để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chưa có nhiều mô hình tổng hợp, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, tổ chức quản lý sản xuất, xúc tiến thị trường...

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và để khắc phục những hạn chế trên, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác khuyến nông trên địa bàn thành phố, việc xây dựng Chương trình khuyến nông 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

**2. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Luật Đất đai ngày 29/ 11/2013;

Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;



Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Nghị Quyết 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Các Nghị định của Chính phủ: số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ;

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; số 79/TTg-QĐ ngày 18/01/2018 về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025;

Các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững"; số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/4/2019 phê duyệt Chương trình khuyến nông trọng điểm giai đoạn 2020 – 2025;

Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: 04/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 thông qua Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; số 13/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2025; số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về việc thông qua Quy hoạch Khu, Vùng công nghệ cao thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; số 19/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các chính sách khác theo quy định hiện hành.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, góp phần thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển



bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới thành phố.

Nâng cao vai trò, năng lực của hệ thống khuyến nông và hoạt động khuyến nông đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; huy động các nguồn lực đầu tư và sự tham gia của các doanh nghiệp vào hoạt động khuyến nông chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Đào tạo và thông tin tuyên truyền**

- Xây dựng nội dung, chương trình thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn gồm 200 lớp cho 9.500 lượt người (tập huấn TOT, chuyên sâu cho người sản xuất, đào tạo nghề cho lao động nông thôn...);

- Xuất bản 30.000 cuốn nông lịch, tạp chí khuyến nông, in 50.000 tờ rơi tờ gấp;

- Xây dựng 30 chuyên mục truyền hình; tổ chức 30 sự kiện (hội chợ triển lãm, diễn đàn khuyến nông, tham quan học tập trong và ngoài nước).

### **b) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ phát triển vùng sản xuất hàng hóa lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.**

Mỗi nhiệm vụ xây dựng từ 10-15 mô hình trình diễn để lan tỏa trong vùng, tạo điều kiện cho cán bộ, nhân dân địa phương đến tham quan, học tập, gồm:

- Xây dựng 9 nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học, cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản (công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học, cơ giới hóa...);

- Xây dựng 4 nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc (VietGAP, hữu cơ..);

- Xây dựng 3 nhiệm vụ ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản (ong, bò, dê, vịt...).

### **c) Tư vấn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu gắn với liên kết tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nông sản.**

- Thành lập tổ hợp tác/hợp tác xã liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hỗ trợ xây dựng, bảo hộ nhãn mác sản phẩm nông sản, xây dựng cửa hàng liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển hộ vệ tinh);

- Tư vấn cho 20 doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc thủ tục đầu tư; 100 doanh nghiệp, Hợp tác xã liên kết tiêu thụ nông sản; 15.000 hộ sản xuất nông nghiệp được tư vấn về quy trình sản xuất an toàn; tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp



## **II. NHIỆM VỤ**

### **1. Công tác thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn**

- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cho khuyến nông viên, cán quản lý, kỹ thuật, các doanh nghiệp nông nghiệp, HTX, chủ trang trại, gia trại hộ nông dân về kỹ thuật, kỹ năng, liên kết tiêu thụ sản phẩm, chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản...trên địa bàn thành phố;

- Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các địa phương có tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp; lao động thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp thông minh, hữu cơ...;

- Xây dựng các chuyên mục truyền hình, bản tin, bài viết, ấn phẩm thông tin khuyến nông, nông lịch; tổ chức các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm, đối thoại, triển lãm về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

- Tổ chức đoàn nghiên cứu, học tập kinh nghiệm liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trong và ngoài nước;

- Xây dựng mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông đề tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất.

### **2. Công tác xây dựng và nhân rộng mô hình**

#### **a) Lĩnh vực trồng trọt**

- Chương trình sản xuất rau, lúa, hoa, cây ăn quả tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị;

- Chương trình ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất rau màu nhằm nâng cao hiệu quả lao động và tăng giá trị sản xuất cho người nông dân;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2024;

- Chương trình phát triển mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái ứng dụng công nghệ cao sản xuất nông sản an toàn thực phẩm chất lượng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

#### **b) Lĩnh vực chăn nuôi**

- Xây dựng mô hình theo VietGAHP gắn liên kết tiêu thụ; áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh tổng hợp, gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm;

- Xây dựng mô hình chăn nuôi một số giống mới, giống tiên bộ kỹ thuật (gà ri vàng rơm, HA VCN/TP-HA01, VCN/TP-HA02 và ong, dê, vịt) an toàn theo hướng VietGAHP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhãn hiệu sản phẩm;



### c) Lĩnh vực thủy sản

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, vật liệu, thiết bị mới, công nghệ 4.0, quan trắc môi trường tự động...trong nuôi trồng thủy sản (giáp xác, cá, nhuyễn thể, thủy đặc sản...) gắn tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị. Năng suất, hiệu quả mô hình cao hơn đại trà ít nhất 35%.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản hữu cơ bền vững gắn với tiêu thụ sản phẩm và du lịch trải nghiệm. Bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái, sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, môi trường cho vùng nuôi (rừng ngập mặn, vùng trũng cấy lúa kém hiệu quả, vùng nước lợ kém hiệu quả...);

- Ứng dụng công nghệ cao phát triển nuôi biển bền vững theo chuỗi giá trị: Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn sản xuất đại trà ít nhất 20% giá trị kinh tế;

- Phát triển khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm khai thác trên biển: Giảm từ 10-15% số lượng lao động trên mỗi tàu khai thác hải sản; tiết kiệm chi phí sản xuất từ 10-12%; tăng giá trị và thu nhập lên từ 8 -10%.

### 3. Công tác tư vấn và dịch vụ khuyến nông

- Tư vấn xây dựng, lập Dự án hỗ trợ mô hình, thành lập tổ hợp tác/hợp tác xã liên kết sản xuất nông nghiệp thủy sản theo chuỗi giá trị tạo vùng sản xuất tập trung;

- Tư vấn xây dựng hệ thống cửa hàng cung cấp các dịch vụ khuyến nông, bảo hộ, phát triển thương hiệu, nhãn märke và chuỗi cửa hàng giới thiệu nông sản đặc trưng của các địa phương và sản phẩm có truy xuất nguồn gốc.

- Tư vấn hỗ trợ xây dựng, lập phương án phát triển hộ vệ tinh sản xuất nông sản an toàn thực phẩm với các tổ chức, doanh nghiệp hạt nhân theo chuỗi giá trị;

- Tổ chức tọa đàm, tư vấn hỗ trợ về chính sách, giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

### 4. Các chương trình khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2020-2024

Xây dựng 22 chương trình khuyến nông giai đoạn 2020-2024 trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, đào tạo và thông tin tuyên truyền và tư vấn khởi nghiệp (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

### 5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao năng lực, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài;

- Các chương trình hợp tác về khuyến nông, chuyển giao công nghệ lĩnh vực nông nghiệp trong và ngoài nước theo quy định.



### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **1. Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: 153.120 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 82.415 triệu đồng (chiếm 53,8%);
- Nguồn kinh phí đối ứng: 70.705 triệu đồng (chiếm 46,2%).

*(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)*

#### **2. Nguồn vốn:**

- Nguồn ngân sách Nhà nước: thông qua việc lồng ghép các chương trình, dự án Khuyến nông Trung ương: nguồn kinh phí sự nghiệp ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn bố trí hàng năm cho hoạt động khuyến nông; kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; kinh phí hỗ trợ theo các chính sách hiện hành của nhà nước.

- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Hàng năm, căn cứ vào Chương trình khuyến nông trên địa bàn thành phố giai đoạn 2020-2024, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

### **IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **1. Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống khuyến nông**

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hệ thống khuyến nông theo quy định;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở, vật chất, trang bị phương tiện làm việc cho hệ thống khuyến nông. Khuyến khích cán bộ khuyến nông thường xuyên học tập nâng cao trình độ; cử cán bộ khuyến nông tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên, môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông; đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp... do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các Viện, Trường tổ chức.

#### **2. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho hoạt động khuyến nông**

- Tranh thủ các nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu, các cơ quan, đơn vị trong, ngoài nước, các sở ngành thành phố để tiếp nhận nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới đã được công nhận thông qua hoạt động khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, bảo quản chế biến, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí của các Chương trình, Nghị quyết phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản; chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, vốn nghiên cứu khoa học và công nghệ; các nguồn vốn liên kết khác từ các dự án hợp pháp khác.



- Tăng cường huy động tối đa các nguồn lực xã hội (tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp) tham gia vào công tác khuyến nông, thông qua việc đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông.

### **3. Đẩy mạnh nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả**

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền rộng rãi các mô hình sản xuất, bảo quản chế biến, kinh doanh lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản hiệu quả đến đến người sản xuất.

- Tổng kết, đánh giá khả năng nhân rộng, nhu cầu thị trường để xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tăng cường vận dụng các chính sách của Nhà nước để hỗ trợ nhân rộng sản xuất cũng như sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

### **4. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành**

- Tiếp tục quán triệt và triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: số 13/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2025; số 19/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các chính sách khác theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu bổ sung các cơ chế chính sách về khuyến nông theo hướng tăng cường áp dụng các phương pháp khuyến nông mới, đẩy mạnh khuyến nông công nghệ cao; đồng thời xây dựng bổ sung các chính sách khuyến nông xã hội (hợp tác công tư, đối tác công tư, tư vấn dịch vụ khuyến nông,...) nhằm huy động, thu hút nguồn lực và sự tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến nông.

### **5. Tăng cường công tác tư vấn và dịch vụ khuyến nông**

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn khởi nghiệp, dịch vụ khuyến nông, coi đây là bước đi tất yếu phù hợp với yêu cầu sản xuất. Tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức, HTX, tổ hợp tác, nông hộ sản xuất,... về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, công nghệ sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản, phòng chống dịch bệnh, thị trường tiêu thụ sản phẩm... Sản xuất, cung ứng giống, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản chế biến nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp, người dân.



## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát nông thôn:

- Tham mưu triển khai Chương trình khuyến nông trên địa bàn thành phố; chủ trì, hướng dẫn, xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm;
- Theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, quận phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình; hàng năm tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách thành phố hàng năm và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình.

3. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm; phối hợp cung cấp thông tin về các tiến bộ khoa học và công nghệ theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chương trình truyền thông, thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; xây dựng và phát sóng các chuyên đề Nông nghiệp - Nông thôn theo Chương trình đã phê duyệt.

5. Đề nghị Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hội viên tham gia tích cực trong công tác khuyến nông và ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn.

6. Các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, quận căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung Chương trình.

### 7. Các doanh nghiệp

Căn cứ Chương trình chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các dự án, mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất, bảo quản chế biến nông sản hàng hóa an toàn thực phẩm, liên kết tiêu thụ sản phẩm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Đình Chuyền



## PHỤ LỤC 01: DỰ KIẾN KINH PHÍ HÀNG NĂM

(Kèm theo Quyết định số: ~~3044~~ /QĐ-UBND ngày 06 / 12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)  
**Bảng 1: Kế hoạch vốn hàng năm**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng
		2020	2021	2022	2023	2024	
I	Kinh phí nguồn ngân sách Nhà nước	15.826	15.373	16.143	17.106	17.967	82.415
II	Nguồn kinh phí đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình khuyến nông	12.558	14.502	14.252	14.072	15.321	70.705
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>28.384</b>	<b>29.875</b>	<b>30.394</b>	<b>31.178</b>	<b>33.288</b>	<b>153.120</b>

**Bảng 2: Kinh phí phân theo lĩnh vực**

TT	Lĩnh vực	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)											
		2020		2021		2022		2023		2024		Tổng	
		NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ
1	Trồng trọt	1.630	960	2.760	1.720	2.330	1.470	1.760	1.050	2.120	1.300	10.600	6.500
2	Chăn nuôi	5.673	5.598	3.890	5.282	3.890	5.282	6.423	7.022	6.424	6.521	26.300	29.705
3	Thủy sản	4.500	3.000	3.000	2.000	4.500	3.000	4.500	3.000	4.500	3.000	21.000	14.000
4	Tư vấn và DVKNông	1.600	3.000	3.300	5.500	3.000	4.500	2.000	3.000	2.500	4.500	12.400	20.500
5	Đào tạo và Thông tin tuyên truyền	2.423	-	2.423		2.423		2.423		2.423		12.115	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>15.826</b>	<b>12.558</b>	<b>15.373</b>	<b>14.502</b>	<b>16.143</b>	<b>14.252</b>	<b>17.106</b>	<b>14.072</b>	<b>17.967</b>	<b>15.321</b>	<b>82.415</b>	<b>70.750</b>

*Tuu*



**PHỤ LỤC 02:**

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2024**

*(Kèm theo Quyết định số: ~~3044~~/QĐ-UBND ngày 06 / 12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

T T	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Các mô hình/nội dung	Dự kiến kết quả đạt được	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng (triệu đồng)
<b>I. Đào tạo, huấn luyện và thông tin tuyên truyền khuyến nông</b>						<b>12.115</b>	
1	Đào tạo huấn luyện	Tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm sản xuất, hướng dẫn các kỹ năng tổ chức sản xuất, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước và của địa phương qua đó thúc đẩy hiệu quả sản xuất.	25 lớp	Đào tạo, tập huấn TOT cho cán bộ KNV cơ sở và công tác viên KN	750 người được đào tạo trình độ chuyên môn, nghệ thuật	1.125	0
			150 lớp	Tập huấn kỹ thuật chuyên sâu cho người sản xuất	7.500 người được tập huấn, tuyên truyền kỹ năng sản xuất...	2.850	0
			25 lớp	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	875 người được đào tạo trình độ sơ cấp nghề	1.313	0
			50 lớp	Tập huấn nâng cao trình độ quản lý của cán bộ cơ sở về quy hoạch vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất an toàn; ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm...	2.500 người được tập huấn, tuyên truyền nâng cao trình độ quản lý ở cơ sở	950	0
			05 đoàn	Khảo sát học tập các mô hình hiệu quả cao trong nước/nước ngoài	150 người được đi khảo sát học tập mô hình khuyến nông ứng dụng các công nghệ mới mang	600	0

*T. Hu*



					lại hiệu quả kinh tế cao có thể áp dụng phù hợp với điều kiện của Hải Phòng		
2	Thông tin tuyên truyền	Tuyên truyền bám sát các chủ trương, định hướng phát triển của ngành và của thành phố để giúp người dân nâng cao nhận thức, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới... Nội dung chủ yếu là xây dựng các chuyên mục truyền hình, bản tin, bài viết; tổ chức các diễn đàn, hội thi, hội nghị, hội chợ nhằm giới thiệu, quảng bá các hoạt động khuyến nông để mọi người biết và áp dụng.	24.000 cuốn	Thông tin Khuyến nông	Xuất bản 24.000 cuốn	907	0
			6.000 Cuốn	Nông lịch	Xuất bản 6.000 cuốn	360	0
			50.000 tờ	In ấn tờ rơi, tập gấp	Phát hành 50.000 tờ tuyên truyền	250	0
			30 Chuyên mục	Chuyên mục truyền hình	Tuyên truyền về kỹ thuật, gương tiêu biểu...	600	0
			100 cái	Pano, biển hiệu	Thiết kế, hỗ trợ treo 100 biển hiệu	300	0
			25 Cuộc	Sự kiện khuyến nông, hội chợ, triển lãm	Tuyên truyền thông qua các sự kiện	1.800	0
			600 bài	Tuyên truyền trên website	Đăng tải thông tin	60	0
			5 năm	Xây dựng, quản lý và vận hành trang nông sản Hải Phòng	Quản lý các sản phẩm nông nghiệp sản xuất an toàn, giúp quảng bá thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp, giúp người tiêu dùng truy suất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm...	1.000	
II	Xây dựng và nhân rộng mô hình					53.300	52.705
1	Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học, cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản					31.100	30.908
1.1	Chương trình sản xuất rau,	- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học...vào sản	130 ha	- Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học ( giống, chế phẩm	- Xây dựng trên 35 mô hình ứng dụng công nghệ	2.000	1.520



	lúa, hoa, cây ăn quả tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học gắn liền kết tiêu thị sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị	xuất rau, lúa, hoa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn thực phẩm đảm bảo tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.		sinh học, phân bón vi sinh, phân bón hữu cơ vi sinh; tưới tự động, màng phủ, nhà lưới) trong sản xuất lúa, rau, hoa, cây ăn quả. - Mô hình ứng dụng công nghệ cao (giống mới, kỹ thuật sản xuất, hệ thống điều khiển nhiệt độ, ánh sáng, giá thể..) trong sản xuất một số loài nấm ăn trái vụ	sinh học trong sản xuất rau, lúa, hoa, cây ăn quả. Quy mô: 100ha - Tập huấn trên 1000 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới. - Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ... - Nhân rộng trên 1.000ha sản xuất lúa, rau, hoa - Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%.		
1.2	Chương trình ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất rau màu nhằm nâng cao hiệu quả lao động và tăng giá trị sản xuất cho người nông dân	ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ (làm đất, gieo hạt, trồng cây, phun thuốc, thu hoạch) Giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân, tăng hệ số sử dụng đất, tăng năng suất lao động, đảm bảo kịp thời vụ, khắc phục tình trạng thiếu lao động lúc mùa vụ khẩn trương và thời tiết bất	50 ha	- Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất rau (ăn lá, ăn quả, ăn hoa) - Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất Khoai tây. - Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nấm - Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất Dưa (dưa hấu, dưa	- Xây dựng trên 30 mô hình, quy mô 50 ha - Tập huấn trên 500 lượt người dân về ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất - Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ... - Nhân rộng trên 500 ha	1.000	1.480



		thuận, giảm tổn thất trong và sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp		vàng, dưa chuột).	sản xuất rau màu - Ứng dụng cơ giới hóa giảm chi phí sản xuất từ 10-15%, tăng hiệu kinh tế từ 15-20% so với sản xuất thông thường.		
1.3	Chương trình phát triển mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái ứng dụng công nghệ cao sản xuất nông sản an toàn thực phẩm chất lượng liên kết tiêu thụ sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản cung cấp cho người tiêu dùng trong và ngoài thành phố.</li> <li>- Sản phẩm nông sản được chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP và được gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</li> </ul>	05 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình sản xuất dưa lê, dưa vằn lưới, dưa chuột, cà chua chất lượng cao ứng dụng công nghệ cao trong nhà lưới cải tiến gắn với truy xuất nguồn gốc</li> <li>- Mô hình sản xuất hoa lan, lily, tulip, hoa... ứng dụng công nghệ xử lý phân hóa mầm hoa và chăm sóc trong nhà kính gắn với truy xuất nguồn gốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ha rau, củ, quả, hoa chất lượng sản xuất ứng dụng công nghệ cao theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái</li> <li>- 10 mô hình liên kết tương tác khách hàng giữa người sản xuất và người tiêu dùng</li> <li>- Hiệu quả kinh tế trực tiếp từ mô hình lợi nhuận tăng 20-25% cho với sản xuất truyền thống</li> </ul>	900	1.500
1.4	Chương trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới nâng cao chất lượng sản phẩm đặc trưng địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới (phân bón, chế phẩm sinh học....) nâng cao chất lượng sản phẩm.</li> <li>- Lựa chọn các giống mới; đổi mới công nghệ nâng giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề</li> </ul>	10 sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất, sơ chế, bảo quản phát triển sản phẩm làng nghề</li> <li>- Cải tạo, lựa chọn các giống mới nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm làng nghề</li> <li>- Ứng dụng tia laser sản phẩm đồng ruộng; ứng dụng đóng bầu công nghiệp trong</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được 10 sản phẩm làng nghề chất lượng cao cung cấp cho thị trường.</li> <li>- Các sản phẩm làng nghề phát triển bền vững; gắn với tiêu thụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</li> <li>- Nâng cao chất lượng sản</li> </ul>	2.000	5.000



				sản xuất cây giống	phẩm làng nghề; hiệu quả kinh tế tăng 15-20% so sản xuất thông thường.		
1.5	Mô hình chăn nuôi lợn theo quy trình VietGAHP, áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh tổng hợp, gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm	Nhằm khống chế dịch bệnh nguy hiểm, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, nâng cao năng suất, tính cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi, phát triển ổn định chăn nuôi lợn trở lại trong thời gian tới.	1.600 con	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình ứng dụng TBKT về giống, quy trình VietGAHP, biện pháp phòng chống dịch bệnh tổng hợp, trong chăn nuôi lợn thương phẩm.</li> <li>- Hỗ trợ chứng nhận VietGAHP;</li> <li>- Thiết lập hồ sơ quản lý dịch bệnh;</li> <li>- Liên kết cơ sở giết mổ an toàn (xây dựng hợp đồng liên kết);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng 8 điểm mô hình (8 xã), quy mô 200 con/điểm;</li> <li>- Thiết lập hồ sơ quản lý dịch bệnh;</li> <li>- Giới thiệu, quảng bá sản phẩm kết nối tiêu thụ từ 1 – 3 đơn vị tiêu thụ sản phẩm;</li> <li>- Tăng thu nhập cho người chăn nuôi 15%. Góp phần phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.</li> </ul>	3.000	5.696
1.6	Xây dựng mô hình chăn nuôi một số giống gà mới, giống tiến bộ kỹ thuật (gà ri vàng rom, HA VCN/TP-HA01 và VCN/TP-HA02, CLV) theo	Giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, góp phần nâng cao giá trị chăn nuôi cho ngành chăn nuôi thành phố.	10.000 con gà đẻ trứng; 30.000 con gà Ri lai vàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình trình diễn chăn nuôi một số giống gà tiến bộ, giống gà mới, giống tiến bộ kỹ thuật (gà ri vàng rom, HA VCN/TP-HA01 và VCN/TP-HA02, CLV) theo hướng VietGAHP, hữu cơ.</li> <li>- Liên kết, hỗ trợ xúc tiến tiêu thụ sản phẩm;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình trình diễn, quy mô 10.000 con gà (HA VCN/TP-HA01 và VCN/TP-HA02, CLV) với 30 hộ tham gia.</li> <li>- Hỗ trợ xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, kết nối từ 1 – 2 đơn vị tiêu thụ sản phẩm; Hiệu quả kinh tế tăng từ</li> </ul>	4.800	4.112



	hướng VietGAHP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm		rom	- Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, nhân rộng mô hình	15 -20% so với các giống khác ngoài mô hình		
1.7	Chương trình nuôi trồng thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học... gắn tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học... vào nuôi trồng thủy sản chủ lực của thành phố nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông ngư dân.</li> <li>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn thực phẩm đảm bảo tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</li> </ul>	20 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình nuôi tôm nước lợ, càng xanh hai, ba giai đoạn bằng công nghệ Biofloc; xử lý nước bằng UV; hệ thống tuần hoàn; semi biofloc...</li> <li>- Nuôi tôm thẻ chân trắng, cá rô phi, cá vược theo VietGAP...</li> <li>- Mô hình nuôi cá nước ngọt bằng công nghệ sông trong ao</li> <li>- Nuôi ngao, tôm sú thương phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm</li> <li>- Mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng chế phẩm sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu</li> <li>- Mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong nuôi trồng thủy sản chủ lực (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi đơn tính, cá vược...).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng trên 30 mô hình, quy mô 20 ha</li> <li>- Tập huấn trên 500 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</li> <li>- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</li> <li>- Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước</li> <li>- Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; Tôm thẻ chân trắng đạt 15 - 18 tấn/ha; cá vược đạt 18 - 20 tấn/ha, cá rô phi đạt trên 18 tấn/ha; ngao đạt trên 30 tấn/ha...hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất</li> </ul>	8.400	5.600



					20%.		
1.8	Chương trình phát triển khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm khai thác trên biển	<p>Ứng dụng công nghệ cơ giới tự động, công nghệ thông tin đại lý và viễn thám trên các tàu khai thác hải sản xa bờ của thành phố nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, giảm tối đa sức lao động, số lao động trên các tàu.</p> <p>Tăng tối đa chất lượng sản phẩm thủy sản sau khai thác, đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu</p>	50 tàu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình hỗ trợ trang bị cơ giới hóa trên tàu khai thác (máy tời thủy lực, rada hàng hải, máy định vị vệ tinh GPS, dò cá ngang; thiết bị hầm bảo quản sản phẩm thủy sản bằng vật liệu Polime Unithane (PU)</li> <li>- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...tập huấn cho 1.000 lượt ngư dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng trên 05 mô hình, quy mô 50 tàu; 10 hầm. Nhân rộng trên 500 tàu;</li> <li>- Giảm từ 10 – 15% số lượng lao động trên mỗi tàu khai thác hải sản;</li> <li>- Tiết kiệm chi phí sản xuất do giảm lao động và nhiên liệu phục vụ sản xuất trên từ 10-12%;</li> <li>- Tăng giá trị và thu nhập lên từ 8 -10% do tăng phẩm cấp chất lượng sản phẩm</li> </ul>	3.000	2.000
1.9	Chương trình ứng dụng công nghệ cao phát triển nuôi biển bền vững theo chuỗi giá trị	Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có hiệu quả, sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững; trở thành ngành sản xuất chủ lực cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đồng thời tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông, ngư dân,	20 ha và 500m <sup>3</sup> lồng bè	<p>Mô hình phát triển nuôi các đối tượng cá biển như cá chim vây vàng, cá song, cá nhụ, cá đối mực, cá hồi; nhuyễn thể... có giá trị kinh tế cao trong các ao, đầm nước lợ.</p> <p>- Mô hình phát triển nuôi cá lồng, bè trên biển, đảo (cá song, cá giò, cá chim vây</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hơn 50 mô hình. Quy mô 2 - 5 ha; 200 - 300 m<sup>3</sup>/mô hình sản xuất;</li> <li>- Tập huấn hơn 2.000 lượt người dân về tiến bộ kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất.</li> <li>- Nhân rộng trên 500 ha</li> </ul>	6.000	4.000



		đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển, đảo của Tổ quốc.		vàng,). - Mô hình phát triển nuôi xen ghép cá biển với đối tượng nuôi khác - Mô hình nuôi tôm hùm sử dụng thức ăn công nghiệp	mặt nước và trên 1.000 m <sup>3</sup> lồng. - Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%.		
2	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc</b>					<b>12.200</b>	<b>7.900</b>
2.1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2024	- Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao trị kinh tế cao hơn. - Điểm trình diễn mô hình sẽ là nơi thăm quan, học tập cho nông dân trên địa bàn thành phố để nhân rộng, phát triển các mô hình.	50	- Xây dựng các mô hình chuyển đổi các cây trồng kém hiệu quả sang trồng hoa, cây cảnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (giống, phân bón, chế phẩm, phương thức sản xuất...) nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả;	- Xây dựng thành công 05 mô hình chuyển đổi cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả. - Hiệu quả kinh tế tăng từ 80-100% so với sản xuất lúa. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người nông dân, góp phần nâng cao giá trị sản xuất đảm bảo vệ sinh môi trường	2.400	1.400
2.2	Xây dựng mô	- Ứng dụng các tiến bộ kỹ	100ha	- Xây dựng các mô hình sản	- Tạo ra các vùng sản xuất	4.200	2.800



	<p>hình phát triển vùng sản xuất nguyên liệu cây ăn quả, rau củ quả hàng hóa tập trung theo quy trình (VietGAP, hữu cơ...) gắn với bao tiêu sản phẩm.</p>	<p>thuật về (giống cây trồng mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến,... tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.</p> <p>- Tổ chức thăm quan, học tập nhân rộng, phát triển các mô hình.</p>		<p>xuất rau củ quả theo VietGAP, hữu cơ,... gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm;</p> <p>- Phát triển, cải tạo vùng trồng cây ăn quả theo hướng tập trung an toàn sản xuất nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu;</p>	<p>cây ăn quả chất lượng cao làm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến và hướng tới xuất khẩu.</p> <p>- Tăng thu nhập so với sản xuất đại trà từ 10-15%.</p> <p>- Liên kết ký hợp đồng tiêu thụ cho sản phẩm.</p> <p>- Xây dựng các chuỗi sản phẩm gắn truy xuất nguồn gốc</p>		
2.3	<p>Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị giai đoạn 2020-2024</p>	<p>- Xây dựng các vùng sản xuất lúa chất lượng cao tại một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung nhằm tạo bước đột phá về phương thức và kỹ thuật trong sản xuất.</p> <p>- Nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, chuyển dịch cơ cấu cây trồng tạo ra những sản phẩm chất lượng có giá trị kinh tế cao</p>	100 ha	<p>- Xây dựng thành công 04 mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, quy mô 20-30 ha/mô hình, 02 mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ quy mô 10-20ha/mô hình;</p> <p>- Xây dựng các mô hình sản xuất lúa chất lượng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (giống chất lượng, phân bón, cơ giới hóa đồng bộ...) theo quy trình VietGAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất</p>	<p>- Xây dựng thành công thương hiệu cho một số giống lúa đặc sản gắn truy xuất nguồn gốc;</p> <p>- Liên kết, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị trong và ngoài thành phố;</p> <p>- Thiết lập hệ thống biển hiệu, bao bì, tem nhãn, truy xuất nguồn gốc bằng in tem có thông tin hộ sản</p>	2.000	1.300



				nguồn gốc theo chuỗi giá trị;	xuất theo hướng hữu cơ		
2.4	Phát triển NTTS hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm	<p>Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ phát triển bền vững gắn theo chuỗi giá trị gắn truy xuất nguồn gốc gắn với du lịch trải nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm</li> <li>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cân bằng hệ sinh thái, sản phẩm an toàn thực phẩm không dư lượng thuốc kháng sinh, chất kích thích tăng trọng.</li> </ul>	20 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình rươi – lúa; tôm càng xanh – lúa; cá – lúa; các đối tượng nội đồng – lúa; tôm sú – cua xanh- tôm rảo – cá bống bóp; đối mục; cá nâu hữu cơ bằng chế phẩm sinh học và phân công nghệ sinh học.</li> <li>- Mô hình nuôi ngao bãi triều hữu cơ bằng chế phẩm sinh học và máy phun nước.</li> <li>- Mô hình bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản trong hệ sinh thái rừng ngập mặn chắn sóng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng trên 30 mô hình qui mô 1- 2ha, 2500 – 5000m<sup>2</sup>/ mô hình sản xuất</li> <li>- Tập huấn trên 2.500 người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</li> <li>- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu. ấn phẩm ...</li> <li>- Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước</li> </ul>	3.600	2.400
<b>3</b>	<b>Ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản</b>					<b>10.000</b>	<b>13.897</b>

*Tau*



3.1	<p>Ứng dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật phát triển vùng sản xuất tập trung, thuật an toàn theo hướng VietGAHP gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm..</p>	<p>- Xây dựng mô hình ứng dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật phát triển vùng sản xuất theo hướng VietGAHP gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm giúp cải tiến năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, hạn chế dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi.</p> <p>- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>- Tổ chức hội nghị tham quan, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm và tài liệu hóa tiến trình thực hiện làm cơ sở nhân rộng mô hình.</p>	<p>500 đàn/25 hộ; 50con dê đực/50 hộ; 180 con dê/09 hộ; 12 điểm mô hình (12 xã), quy mô 3000 - 4000 con/điểm m</p>	<p>- Xây dựng 25 mô hình ứng dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới trong trong phòng, trị dịch, bệnh hại trên đàn ong và hạ thủy phần nâng cao chất lượng sản phẩm mật ong; cải tạo đàn dê</p> <p>- Xây dựng mô hình khai thác diện tích đồi núi khô hạn, diện tích trồng cây hàng năm không hiệu quả chuyển đổi sang trồng cỏ nuôi dê (3ha)</p> <p>- Xây dựng Mô hình chăn nuôi một số giống vịt thương phẩm mới, giống tiến bộ kỹ</p> <p>- Liên kết tiêu thụ sản</p>	<p>- Xây dựng thành công mô hình phát triển đàn ong; đàn dê trên địa bàn thành phố nâng cao chất lượng đàn ong đặc biệt đàn ong rừng ngập mặn; gắn thành công nhãn hiệu sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm</p> <p>- Xây dựng - Tăng thu nhập cho người chăn nuôi tối thiểu 15%. Góp phần phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.</p> <p>- Tổ chức 20 lớp tập huấn; 30 hội thảo, tổng kết đánh giá hiệu quả của mô hình.</p>	7.300	9.897
3.2	<p>Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt theo hướng VietGAHP gắn liên kết tiêu thụ</p>	<p>- Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về phương thức chăn nuôi công nghiệp theo hướng thâm canh, áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt (chăn nuôi VietGAHP), cân đối tạo</p>	<p>21.000 con</p>	<p>- Xây dựng mô hình mô hình vỗ béo bò thịt theo hướng thâm canh nuôi nhốt.</p> <p>- Xây dựng mô hình trồng cỏ, chế biến và bảo quản thức ăn</p>	<p>- Xây dựng mô hình trình diễn, quy mô 180 con, 9 hộ nhằm giảm ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Hiệu quả kinh tế tăng từ 10 -15% so với chăn nuôi</p>	2.700	4.000



		khẩu phần ăn TMR... phát triển vỗ béo bò theo hướng thâm canh nuôi nhốt - Liên kết tiêu thụ sản phẩm - Đào tạo tập huấn, hội thảo, tham quan tổng kết nhân rộng mô hình		dự trữ cho mua hành khô. - Ứng dụng công nghệ vi sinh trong khẩu phần thức ăn, nước uống, phun khử trùng và xử lý chất thải chăn nuôi. Tổ chức 30 lớp tập huấn; 35 hội thảo, tổng kết đánh giá hiệu quả của mô hình.	thông thường - Kiểm soát được dịch bệnh trên đàn bò		
<b>III</b>	<b>Tư vấn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu gắn với liên kết tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nông sản</b>					<b>17.000</b>	<b>18.000</b>
4.1	Dự án Hỗ trợ mô hình thành lập tổ hợp tác/ hợp tác xã liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tạo vùng sản xuất tập trung	- Tư vấn hỗ trợ thành lập một số Tổ hợp tác/ Hợp tác xã. - Hỗ trợ xây dựng các mô hình triển khai trong hợp tác xã về con giống, vật tư thiết yếu, tập huấn kỹ thuật và một số trang thiết bị cần thiết trong chăn nuôi cũng như hoạt động của hợp tác xã.	4-8 Tổ hợp tác/ Hợp tác xã	- Tư vấn hỗ trợ thành lập 1 - 2 Tổ hợp tác/ Hợp tác xã chăn nuôi gà thương phẩm lông màu; 1-2 Tổ hợp tác/ Hợp tác xã chăn nuôi vịt sinh sản; 1-2 Tổ hợp tác/ Hợp tác xã chăn nuôi vịt thương phẩm; 1-2 Tổ hợp tác/ Hợp tác xã chăn nuôi lợn thịt - Liên kết tiêu thụ sản phẩm, hướng tới truy xuất nguồn gốc;	- Tăng hiệu quả kinh tế do chủ động đầu vào giá gốc, chủ động kế hoạch chăn nuôi, chủ động liên kết tiêu thụ sản phẩm đầu ra.	8.500	6.500
4.2	Tư vấn, hỗ trợ xây dựng, bảo hộ nhãn mác sản phẩm nông sản đặc trưng cho các địa phương.	- Xây dựng hệ thống logo, nhãn mác, bao bì nhận diện sản phẩm. - Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.	50 sản phẩm	- Thiết kế logo, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm. - Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm. - Tập huấn được 1000 hộ sản	- Tư vấn xây dựng được 50 sản phẩm nông sản có nhãn mác bao bì sản phẩm phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP - Giới thiệu quả bá sản	4.000	5.000



				xuất vận hành, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	phẩm nông sản chủ lực của thành phố thị trường trong và ngoài thành phố.		
4.3	Tư vấn xây dựng chuỗi cửa hàng liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chuỗi cửa hàng giới thiệu, quảng bá nông sản an toàn có truy xuất nguồn gốc.</li> <li>- Xây dựng chuỗi tiêu thụ nông sản an toàn thực phẩm từ sản xuất đến người tiêu dùng.</li> </ul>	10 cửa hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế các cửa hàng tiêu chuẩn giới thiệu, quảng bá nông sản.</li> <li>- Quảng bá giới thiệu bán sản phẩm nông sản có truy xuất nguồn gốc.</li> <li>- Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất kinh doanh an toàn thực phẩm.</li> </ul>	Xây dựng 10 cửa hàng giới thiệu quảng bá sản phẩm nông nghiệp có truy xuất nguồn gốc được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn toàn thực phẩm.	2.000	4.000
4.4	Chương trình tư vấn hỗ trợ xây dựng phương án phát triển hộ vệ tinh sản xuất nông sản an toàn thực phẩm với tổ chức, doanh nghiệp hạt nhân theo chuỗi giá trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng vùng sản xuất nông sản an toàn thực phẩm với hộ sản xuất làm vệ tinh cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp</li> <li>- Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Nâng cao nhận thức của người sản xuất trong việc tổ chức, hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.</li> </ul>	60 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hộ vệ tinh liên kết sản xuất sản phẩm gạo hữu cơ với Doanh nghiệp hạt nhân theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Phát triển hộ vệ tinh liên kết sản xuất sản phẩm rau, củ, quả an toàn thực phẩm với Hợp tác xã, Tổ Hợp tác hạt nhân theo chuỗi giá trị.</li> <li>- Sử dụng các sản phẩm công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật mới để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 06 chuỗi sản xuất nông sản hộ vệ tinh cung cấp sản phẩm cho doanh nghiệp hạt nhân theo chuỗi giá trị.</li> <li>- 100% sản phẩm được gắn nhãn hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.</li> <li>- Năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất truyền thống từ 10-15%.</li> </ul>	2.500	2.500



4.5	Chương trình tọa đàm doanh nghiệp hỗ trợ giải quyết khó khăn vướng mắc, kiến nghị của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết nối, liên kết chặt chẽ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn thành phố và các tỉnh, thành phố khác với các đối tượng sản xuất (HTX, tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ nông dân tích tụ ruộng đất) để tạo chuỗi khép kín về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.</li><li>- Tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến</li></ul>	30 cuộc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tư vấn hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho các tổ chức cá nhân.</li><li>- Triển khai các giải pháp ổn định phát triển chuỗi liên kết sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.</li><li>- Quảng bá, xúc tiến thương mại các phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm làng nghề.</li><li>- Tư vấn xây dựng phương án sản xuất, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cấu cây trồng sang cây trồng hiệu quả kinh tế cao.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tư vấn, hỗ trợ giải cho 20-30 doanh nghiệp, tổ chức giải quyết khó khăn vướng mắc thủ tục đầu và các chế chính sách hỗ trợ; 100 doanh nghiệp, HTX liên kết tiêu thụ nông sản; phương án sản xuất kinh doanh phát triển sản xuất nông nghiệp.</li><li>- 15.000 hộ sản xuất nông nghiệp về quy trình sản xuất an toàn; tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp.</li></ul>	1.000		
Tổng cộng							82.415	70.705

*Tba*

